

Theo dấu dòng tiền

TOP CỔ PHIẾU

— —
Ngày 30 tháng 10, 2025

Xem thêm



Bộ phận Phân tích & Đầu tư
Research & Proprietary trading



- Cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến phản ánh có dòng tiền mới tham gia.
- Điều này có thể tạo ra sự biến động giá mạnh hơn, đồng nghĩa sẽ xuất hiện cơ hội kiếm lợi nhuận từ chênh lệch giá



STT	Mã	Ngày	Giá đóng cửa	KLGD	KL TB 30P	Gấp TB 30P
1	HHP	29/10/2025	11	1.695.700	422.567	04.01
2	DPR	29/10/2025	38.8	1.390.800	379.577	3.66
3	BFC	29/10/2025	44.45	612.900	181.710	3.37
4	BWE	29/10/2025	49.9	542.800	175.683	03.09
5	NT2	29/10/2025	24.9	5.210.700	1.720.823	03.03
6	HAH	29/10/2025	62	5.897.800	2.008.883	2.94
7	VOS	29/10/2025	13.2	2.133.500	947.967	2.25
8	KDH	29/10/2025	34.4	16.159.700	7.368.670	2.19
9	HAG	29/10/2025	16.95	24.979.400	11.904.140	2.1
10	CTD	29/10/2025	99.8	2.652.100	1.278.767	2.7
11	CTR	29/10/2025	91.8	903.800	446.013	02.03
12	VHC	29/10/2025	58.3	2.622.000	1.323.203	1.98
13	GVR	29/10/2025	28.1	3.912.700	2.043.343	1.91
14	MCH	29/10/2025	154.9	593.800	312.630	1.9
15	MIG	29/10/2025	17.35	515.600	271.227	1.9
16	HDB	29/10/2025	33.4	31.358.500	17.651.406	1.78
17	PC1	29/10/2025	23.2	4.176.100	2.374.783	1.76
18	VEA	29/10/2025	40.1	669.300	388.230	1.72
19	GMD	29/10/2025	69.2	3.992.400	2.338.913	1.71
20	KLB	29/10/2025	17.5	1.006.900	592.527	1.7
21	ORS	29/10/2025	15.8	7.416.900	4.410.680	1.68
22	IDC	29/10/2025	37.9	3.379.500	2.156.477	1.57
23	POW	29/10/2025	14.3	11.214.700	7.367.357	1.52
24	PNJ	29/10/2025	95.5	1.134.200	770.637	1.47
25	CRE	29/10/2025	9.48	1.149.700	805.257	1.43
26	DCM	29/10/2025	35.2	3987300	2832823	1.41
27	HAX	29/10/2025	11.1	1178500	837507	1.41
28	BVB	29/10/2025	13.9	3007300	2254940	1.33
29	ACV	29/10/2025	54.9	855300	648393	1.32



- Cổ phiếu nằm trên MA200 cho thấy xu hướng dài hạn tích cực và tâm lý thị trường lạc quan.
- Khoảng cách giữa giá đóng cửa và MA200 nhỏ hơn 7% cho thấy cổ phiếu chưa bị mua quá đà, vẫn còn dư địa tăng.



STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	TBKL 10 phiên	RSI(14)	MA 200	% Close - MA200	MACD Hist W	MACD Hist M
1	APG	29/10/2025	11.6	675.040	43.35	10.94	06.06	-0.13	0.14
2	BVB	29/10/2025	13.9	2.631.600	49.62	13.58	2.33	-0.23	0.24
3	CMG	29/10/2025	39.8	705.120	54.33	39.59	0.53	-0.06	-1.16
4	DBC	29/10/2025	26.75	3.952.330	49.81	26.22	02.01	-0.44	0.05
5	FRT	29/10/2025	145	657.940	58.09	139.69	3.8	0.81	-3.94
6	POW	29/10/2025	14.3	7.713.360	51.07	13.37	6.92	-0.24	0.28
7	REE	29/10/2025	64.5	545.150	52.28	63.35	1.82	-0.69	0.22
8	SAM	29/10/2025	7.6	753.830	53.88	7.23	5.12	-0.14	0.24
9	VHC	29/10/2025	58.3	964.250	59.66	57.57	1.26	0.32	-1.47
10	VNM	29/10/2025	57.5	4.418.930	46.49	56.35	02.04	0	0.17
11	VPI	29/10/2025	56.7	1.955.310	50.04	55.35	2.43	0.28	-0.6



Đỉnh và đáy là mức kháng cự và hỗ trợ quan trọng của cổ phiếu

Vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Cao nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	ABB	13.4	13.8	5.958.070
2	CTD	99.8	99.8	1767720
3	KHG	7.67	7.67	17.328.590
4	LPB	53.9	54.7	3.049.590
5	NAF	34.7	34.95	626690
6	NT2	24.9	24.9	1.741.680
7	OCB	13.55	13.7	5.166.900
8	PPT	14.7	14.7	233.920
9	VEC	35	35	206.110
10	VJC	195.1	196.5	3.243.310
11	VNP	19.6	21	217.020

Phá đáy 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	BTP	10.1	10	20.730
2	CAG	6	5.7	11.490
3	NBC	8.3	7.79	38.710
4	PTM	13.5	12.2	22.070
5	VSF	24.7	24.5	13.050

Vượt đỉnh 3 tháng nhưng chưa vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã	Giá	H13W	KLTB 10 phiên
1	MCH	154.9	151.8	412.610
2	PNJ	95.5	95	1.494.980
3	VEA	40.1	40.1	427400

Phá đáy 3 tháng

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 3 m	TBKL 10 phiên
1	BTP	10.1	10	20.730
2	CAG	6	5.7	11.490
3	CRE	9.48	9.1	733.760
4	FIR	7.69	7.25	272.380
5	HU4	11.6	11.4	123.570
6	NBC	8.3	8	38.710
7	PTM	13.5	12.2	22.070
8	QNS	45.2	45.1	223.360
9	SED	21.8	21.7	19.780
10	VSF	24.7	24.5	13.050

Cổ phiếu cắt lên trên các đường trung bình có thể phát tín hiệu mua cho một nhịp tăng giá mới

Cắt lên đường trung bình MA200

STT	Mã	Giá	MA200	KLTB 10 phiên
1	AAA	8.4	7.78	1.810.990
2	BVB	13.9	13.58	2.631.600
3	CSM	14.05	13.83	552840
4	DBC	26.75	26.22	3.952.330
5	FIT	4.62	4.52	754.450
6	IDI	7.32	7.32	662.890
7	IDJ	5.7	5.64	1.338.380
8	TTF	2.95	2.94	680.680
9	VHC	58.3	57.57	964.250

Cắt lên đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	BSR	17.2	16.84	8.406.150
2	DDV	32.3	31.92	2.142.600
3	GMD	69.2	67.71	2592370
4	HAG	16.95	16.16	10.974.950
5	HNG	6.4	6.18	3.760.680
6	KDH	34.4	34.06	9.762.040
7	MSR	23.04	23.24	2.371.070
8	NLG	38.45	37.68	4.487.320
9	VC3	28.8	28.31	950920
10	VHC	58.3	56.25	964250

Cắt lên đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	AAA	08.04	7.93	1.810.990
2	BSR	17.2	16.9	8.406.150
3	BVB	13.9	13.84	2631600
4	CSM	14.5	14.05	552.840
5	DBC	26.75	26.64	3.952.330
7	DLG	2.74	2.68	1266520
8	DPM	23.95	23.71	4076710
9	DRH	2.32	2.22	520160
10	FIT	4.62	4.59	754450
11	GMD	69.2	67.11	2592370
12	HAG	16.95	16.29	10974950
13	HNG	6.4	06.05	3760680
14	IDC	37.9	36.99	2813150
15	KBC	35.05	34.94	7950250
16	NLG	38.45	36.77	4487320
17	POW	14.3	14.06	7713360
18	PVT	17.65	17.56	1928750
19	REE	64.5	63.71	545150
20	SAM	7.6	7.29	753830
16	SBT	25.4	25.27	847010
17	TTF	2.95	2.93	680680
18	VOS	13.2	13.6	975330



Cổ phiếu cắt xuống dưới các đường trung bình phát tín hiệu bán khi giá có thể giảm sâu hơn



Cắt xuống đường trung bình MA200

Cắt xuống đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	CRC	09.05	9.52	577.820
2	FTS	34.75	34.75	2.155.180
3	VGT	11.9	11.92	520790

Cắt xuống đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	VHM	103.8	105.71	8.518.880



Cổ phiếu có giai đoạn tích lũy trong biên độ hẹp. Thông thường quá trình tích lũy càng lâu với Bollinger band co hẹp cực đại thì theo sau sẽ là giai đoạn biến động mạnh.

STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	Giá thấp nhất 3T	Giá cao nhất 3T	Biên độ %	KLTB 5 phiên
1	CHP	29/10/2025	32	31.7	33.75	6.5	67.760
2	SJD	29/10/2025	14.2	13.59	14.76	8.6	99.240
3	VEA	29/10/2025	40.1	37.3	40.6	8.8	384.940
4	QNS	29/10/2025	45.2	45.1	49.1	8.9	180.100
5	VC3	29/10/2025	28.8	26.93	29.4	9.2	959.400
6	QTP	29/10/2025	12.9	12.7	13.9	9.4	96.380
7	DHG	29/10/2025	108	100.4	110	9.6	41.240
8	VTZ	29/10/2025	18.8	17.6	19.4	10.2	1.496.560
9	SAB	29/10/2025	45.75	44	48.55	10.3	588.860
10	PVP	29/10/2025	15.5	14.5	16	10.3	99.980
11	VLB	29/10/2025	47	45	49.8	10.7	46.740
12	VAB	29/10/2025	11.45	11.15	12.35	10.8	822.200
13	NAB	29/10/2025	14.45	13.95	15.5	11.1	1.515.480
14	PPT	29/10/2025	14.07	13.2	14.7	11.4	242.980
15	NTC	29/10/2025	165	156.65	174.6	11.5	42.840
16	BWE	29/10/2025	49.9	46.5	51.9	11.6	162.620
17	MCM	29/10/2025	27	26.3	29.4	11.8	52.800
18	CTF	29/10/2025	20.2	19.31	21.62	12	342.820
19	SBG	29/10/2025	13.25	12.1	13.6	12.4	209.840
20	STK	29/10/2025	25.3	23.5	26.5	12.8	40.400
21	PCH	29/10/2025	20.1	19.5	22.1	13.3	101560
22	KDC	29/10/2025	52	49.2	55.8	13.4	159380
23	SHI	29/10/2025	14.55	13.55	15.45	14	252540
24	TDP	29/10/2025	35.7	32.3	37.1	14.9	118840



Trung tâm Phân tích và Tư vấn Đầu tư

Nguyễn Văn Thanh

Phụ trách khối Phân tích & Tự doanh

Email: thanhnv@apsc.vn

Phân tích cơ bản

Nguyễn Kim Dung

Chuyên viên phân tích

Email: dungnk@apsc.vn

Chiến lược giao dịch

Nguyễn Văn Thiệu

Chuyên viên phân tích

Email: thieunv@apsc.vn

Cam kết phân tích

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

Khuyến nghị

CANH MUA Giá cổ phiếu hiện tại trong vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

CHỜ MUA Giá cổ phiếu hiện tại cao hơn vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

TRUNG LẬP Ước tính giá cổ phiếu có thể tăng/giảm 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

CANH BÁN Ước tính tiềm năng giảm giá trên 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.



Tuyên bố trách nhiệm

Bản báo cáo và các tài liệu đi kèm chỉ phục vụ cho mục đích cung cấp thông tin tham khảo và được phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha (APSC), một doanh nghiệp được cấp phép bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và APSC không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay tác động đến bất kỳ chứng khoán nào. Bất kỳ quyết định đầu tư nào đều dựa trên đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo này cùng với các tài liệu đi kèm không thể được sử dụng làm bằng chứng trong bất kỳ tranh chấp pháp lý nào liên quan đến quyết định đầu tư.

© Copyright - Bản quyền thuộc về APSC. Báo cáo này không được phép sao chép tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của APSC. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. APSC có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho APSC.

Công ty Cổ phần Chứng Khoán Alpha

Hội sở chính

Tầng 1, 1A, 2-389 Đê La Thành, P. Thành Công, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội

Điện thoại: (024) 3933 4666

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 8, số 04/B1 lô 26 BC đường Lê Hồng Phong, Phường

Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Điện thoại: 0913.399.635

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 5, Tòa nhà HDTC, 36 Bùi Thị Xuân, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3535 2115

Chi nhánh Thanh Hoá

Sảnh tầng 1, khách sạn Lam Kinh, Khu đô thị Đông Hương, Phường Đông

Hương, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá

Điện thoại: 0237 3515 009